

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 17: từ ngày 08/12/2025 đến ngày 14/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2
		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2
		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2
	Chiều	PP thí nghiệm (Hằng) 3	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2
K11-DVTY P.E303	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTTG (Nga) 2	PP thí nghiệm (Phượng) 2
K11-KTDN P.E305	Chiều	Luật thú y (Nga) 3	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2
	Sáng		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2	
			Anh văn CN (Phiên) 2		Anh văn CN (Phiên) 2	
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1				
		KTNSXP (Hoa) 3				
	Chiều					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Khí tượng NN (Lịch) 2	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 2	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 2	Khí tượng NN (Lịch) 2
	Chiều	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 3	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 2	Cây dược liệu (Bình) 2	Bệnh cây CK (Hương) 2	Cây rau (Huệ) 2
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Tin học (Thoa) 4	Côn trùng đại cương (Hương) 2	Côn trùng đại cương (Hương) 2	Khuyến nông (Huệ) 2
		Đất trồng phân bón (Hương) 3		Giống cây trồng (Huyền) 2	Khuyến nông (Huệ) 2	Giống cây trồng (Huyền) 2
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Khuyến nông (Thọ) 4	Khuyến nông (Thọ) 2	Tin học (Thoa) 4	Côn trùng đại cương (Lịch) 4
		Côn trùng đại cương (Lịch) 3		Côn trùng đại cương (Lịch) 2		
	Chiều		<i>Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>			
CN64A1 P.E203	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTB cho lợn (Hung) 2	Ký sinh trùng (Phượng) 2
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1	Dược lý thú y (Lệ) 2	Pháp luật (Huyền) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2
		KTTG (Quyên) 3	GD chính trị (Tài) 2	GDTC (Thuý) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2
	Chiều					

[illegible]

ĐCN64A1 P.E103	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuần)</i> 1 Cung cấp điện (Tuần) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2 Trang bị điện (Nga) 2	Trang bị điện (Nga) 2 Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2	Cung cấp điện (Tuần) 2 Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2		
ĐCN64A2 P.E104	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2 Cung cấp điện (Tuần) 2	Cung cấp điện (Tuần) 2 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	
ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Kỹ thuật điện tử (Tuần) 2 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2 Trang bị điện (Nga) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4		
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	Trang bị điện (Đ.Đức) 4 Kỹ thuật điện tử (Dương) 2	Trang bị điện (Đ.Đức) 2	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1 Tiếng anh (Phiên) 3	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Vật liệu điện (N.Đức) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Pháp luật (Nga) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiển)</i> 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	Mạch điện (Huyền) 2 An toàn điện (Hoà) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (T.Nhung) 2	An toàn điện (Hoà) 2 Pháp luật (Huyền) 2	
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 Vẽ KT điện (N.Đức) 3		Mạch điện (Dương) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Mạch điện (Dương) 2	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> 1 Pháp luật (Huyền) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Mạch điện (Dương) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh (Linh) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	
	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Khí cụ điện (Nga) 2 Mạch điện (Huyền) 2	
	Chiều						
TL64	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 KTTC Công trình TL (N.Đức) 3				
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 KT cơ sở (Huyền) 3	Vật liệu (N.Đức) 4	Thủy văn (Hoà) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Thủy văn (Hoà) 2	
	Chiều						

KTDN64B	Sáng						
	Chiều		Kế toán DN2 (Dung) 4	Thuế (T.Thảo) 4	Thuế (T.Thảo) 4	Sinh hoạt lớp (Mai) 1 THKT trong DNSX (Mai) 3	
KTDN65B	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) 1 Nguyên lý thống kê (Mai) 3	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Kỹ năng mềm (Dung) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Lý thuyết kế toán (T.Thảo) 2	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Kỹ năng mềm (Dung) 2	
	Chiều						
CBBQ64	Sáng						
	Chiều		Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Phụ gia TP (Liên) 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	
CBBQ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 KT lạnh cơ sở (Năm) 3	An toàn lao động (Liên) 3	An toàn lao động (Liên) 3	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 An toàn lao động (Liên) 2	
	Chiều						
KTMĐT64	Sáng						
	Chiều		Sinh hoạt lớp (Năm) 1 BD, SCTB trên boong (Trung) 3	BD, SC thiết bị trên boong 3 (Trung)	Khai thác nồi hơi TT 3 (Đông)	BD, SC thiết bị trên boong 3 (Trung)	
KTMĐT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 3	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Lý thuyết tàu (Trung) 2	
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Vận chuyển ĐVTS (Năm) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	
ĐKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Lý thuyết tàu (Trung) 2	
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
LỚP				
TT64A2	Sáng		Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4	Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4
	Chiều		CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4
TT64A3	Sáng		Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Khuyến nông (Thọ) 4
P.B204	Chiều	Cây lương thực (Bình) 4	Thủy nông (Lịch) 4	Thủy nông (Lịch) 4

CN64A2	Sáng	KTNPTB cho gà vịt (Quyên)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	I	KTTG (Vân)	4
CN65A2				VSV - TN (Phượng)	4		
P.B205	Chiều	Khuyến nông (Triệu)	4	VSV - TN (Phượng)	4	Khuyến nông (Triệu)	4
K9-ĐCN	Sáng			Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	I	Cơ kỹ thuật (Dương)	4
				Máy biến áp (Đ.Đức)	4		
	Chiều			Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 08/12/2025 đến ngày 14/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>HĐTN (Nhưng)</i> 1 <i>Toán (Nhưng)</i> 3	<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 2 <i>Hoá học (Doan)</i> 2	<i>CĐ Địa lý (Thúy)</i> 2 <i>GDKT và PL (Đ. Thúy)</i> 2	<i>Lịch sử (Hà)</i> 2 <i>CĐ Ngữ văn (Hằng)</i> 2	
	Chiều		<i>Địa lý (Thúy)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>GDKT và PL (Đ. Thúy)</i> 4	<i>Toán (Nhưng)</i> 4
VH63B3 P.B302	Sáng	<i>HĐTN (Hà)</i> 1 <i>Toán (Lan Anh)</i> 3	<i>Lịch sử (Dự)</i> 2 <i>Địa lý (Phượng)</i> 2	<i>CĐ Lịch sử (Dự)</i> 2 <i>Sinh học (Phượng)</i> 2	<i>GDKT và PL (Quế)</i> 2 <i>CĐ Địa lý (Phượng)</i> 2	<i>CĐ Ngữ văn (Hằng)</i> 2 <i>Ngữ văn (Hằng)</i> 2
	Chiều		<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>Toán (Lan Anh)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quế)</i> 4
VH63B4 P.B303	Sáng	<i>HĐTN (Dự)</i> 1 <i>Lịch sử (Dự)</i> 3	<i>Toán (Nhưng)</i> 2 <i>Địa lý (Lực)</i> 2	<i>Toán (Nhưng)</i> 2 <i>CĐ Ngữ văn (H.Hà)</i> 2	<i>Địa lý (Lực)</i> 2 <i>Sinh học (Phượng)</i> 2	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2 <i>Sinh học (Phượng)</i> 2
	Chiều		<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 4
VH63B6 P.B304	Sáng	<i>HĐTN (Hoà)</i> 1 <i>Hoá học (Vân)</i> 3	<i>Địa lý (Lực)</i> 2 <i>GDKT và PL (Tài)</i> 2	<i>GDKT và PL (Tài)</i> 4	<i>Vật lý (Hoà)</i> 2 <i>CĐ Địa lý (Lực)</i> 2	<i>CĐ Lịch sử (Lý)</i> 2 <i>Toán (Nhưng)</i> 2
	Chiều	<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>Lịch sử (Lý)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 4		
VH63B7 P.B305	Sáng	<i>HĐTN (Nga)</i> 1 <i>Địa lý (Ngọc)</i> 3	<i>Toán (Quý)</i> 2 <i>Hoá học (Vân)</i> 2	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 2 <i>Vật lý (Hoà)</i> 2	<i>GDKT và PL (Nga)</i> 2 <i>CĐ Ngữ văn (H.Hà)</i> 2	<i>Địa lý (Ngọc)</i> 2 <i>CĐ Lịch sử (Lý)</i> 2
	Chiều	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4	<i>GDKT và PL (Nga)</i> 4	<i>Địa lý (Ngọc)</i> 4		<i>Toán (Quý)</i> 4
VH63B8 P.B301	Sáng	<i>HĐTN (K.Nhung)</i> 1 <i>Địa lý (Lực)</i> 3	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 2 <i>Vật lý (Hoà)</i> 2	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2 <i>Lịch sử (Dự)</i> 2	<i>CĐ Lịch sử (Dự)</i> 2 <i>CĐ Ngữ văn (Hường)</i> 2	<i>Địa lý (Lực)</i> 2 <i>Toán (Quý)</i> 2
	Chiều	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 4		<i>Toán (Quý)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 4

VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng)	1	Hoá học (Doan)	2	Ngữ văn (Hằng)	2	CĐ Ngữ văn (Hằng)	2	Vật lý (Sơn)	4
		Địa lý (Thuý)	3	GDKT và PL (Thuý)	2	CĐ Địa lý (Thuý)	2	Toán (Nhưng)	2		
	Chiều	CĐ Lịch sử (Hà)	4								
VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân)	1	CĐ GDKT và PL (Quyên)	2	CĐ Ngữ văn (Hường)	2	CĐ Địa lý (Thuý)	4	Hoá học (Vân)	2
		Hoá học (Vân)	3	Ngữ văn (Hường)	2	Toán (Dương)	2			Vật lý (Hoà)	2
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga)	1	GDKT và PL (Thắm)	2	CĐ Ngữ văn (Hà)	4	GDKT và PL (Thắm)	2	Toán (Nhưng)	2
		Vật lý (Trung)	3	Toán (Nhưng)	2			CĐ Địa lý (Nga)	2	CĐ GDKT và PL (Thắm)	2
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Dương)	1	Ngữ văn (Chi)	4	Địa lý (Lực)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	4	Vật lý (Hoà)	2
		Toán (Dương)	3			GDKT và PL (Quyên)	2			Hoá học (Hà)	2
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà)	1	Sinh học (Phượng)	4	Toán (Quý)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Toán (Quý)	2
		Hoá học (Hà)	3	CĐ Ngữ văn (H.Hà)		Ngữ văn (H.Hà)	2	CĐ Lịch sử (Hằng)	2	GDKT và PL (Quyên)	2
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên)	1	Hoá học (Vân)	2	Hoá học (Vân)	2			CĐ Lịch sử (Dữ)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Lực)	2			CĐ Địa lý (Lực)	2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý)	1	Toán (Hương)	2	GDKT và PL (Thuý)	2	Ngữ văn (Hằng)	4	Lịch sử (Hà)	2
		Vật lý (Sơn)	3	CĐ GDKT và PL (Thuý)	2	Toán (Hương)	2			CĐ Lịch sử (Hà)	2
VH65B2 P.E302	Chiều	HĐTN (Quyên)	1	Toán (Dương)	2	Toán (Dương)	2	CĐ Ngữ văn (H.Hà)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2
		GDKT và PL (Quyên)	1	CĐ Ngữ văn (H.Hà)	2	CĐ GDKT và PL (Quyên)	2	Hóa học (Hà)	2	Hóa học (Hà)	2
		CĐ GDKT và PL (Quyên)	2								
VH65B3 P.E301	Chiều	HĐTN (Quý)	1	CĐ Lịch sử (Dữ)	2	GDKT và PL (Thắm)	2			CĐ Ngữ văn (Lý)	4
		Vật lý (Trung)	3	CĐ GDKT và PL (Thắm)	2	Địa lý (Phương)	2				
VH65B4 P.E101	Chiều	HĐTN (Mạnh)	1	Địa lý (Lực)	2	Vật lý (Trung)	2	Địa lý (Lực)	2	CĐ lịch sử (Hằng)	2
		Ngữ văn (Chi)	3	Toán (Quý)	2	GDKT và PL (Nga)	2	Hoá học (Vân)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	2

VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực) Toán (Dương)	1 3	Sinh học (Phượng) CD Ngữ văn (Hà)	2 2	CD GDKT và PL (Nga) Địa lý (Lực)	2 2	CD Lịch sử (Hằng) CD Ngữ văn (Hà)	2 2	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hoà)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) Sinh học (Phượng)	1 3	CD GDKT và PL (Thắm) CD Ngữ văn (Chi)	4 3	CD Ngữ văn (Chi) CD GDKT và PL (Thắm)	4 2	Vật lý (Trung) CD Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) CD lịch sử (Hằng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Toán (L.Anh) CD Địa lý (Phượng)	2 2	Địa lý (Phượng) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4		
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) Ngữ văn (Hường)	1 3	CD Ngữ văn (Hường)	4 3	Sinh học (Phượng) Hoá học (Hà)	2 2	CD GDKT và PL (Quyên) CD Địa lý (Lực)	2 2	Toán (L.Anh)	4
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Ngữ văn (Chi) Toán (Lan Anh)	2 2	Hoá học (Hà) Ngữ văn (Chi)	2 2	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Chi) CD Địa lý (Phượng)	2 2
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm)	1 3			CD Địa lý (Thủy)	4	Sinh học (Hồng) Toán (Dương)	2 2	Sinh học (Hồng) GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế) GDKT và PL (Quế)	1 3	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	2 2	Sinh học (Hồng) Địa lý (Nga)	2 2	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Hồng)	2 2	Hoá học (Vân) CD Địa lý (Nga)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HÒA
Đoàn Văn Lưu